

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ (HIỆU DÍNH)
DỰ ÁN: HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐẦU GIẢ QSDD CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở TẠI XÃ CẨM NINH, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HƯNG YÊN
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ CẨM NINH, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HƯNG YÊN

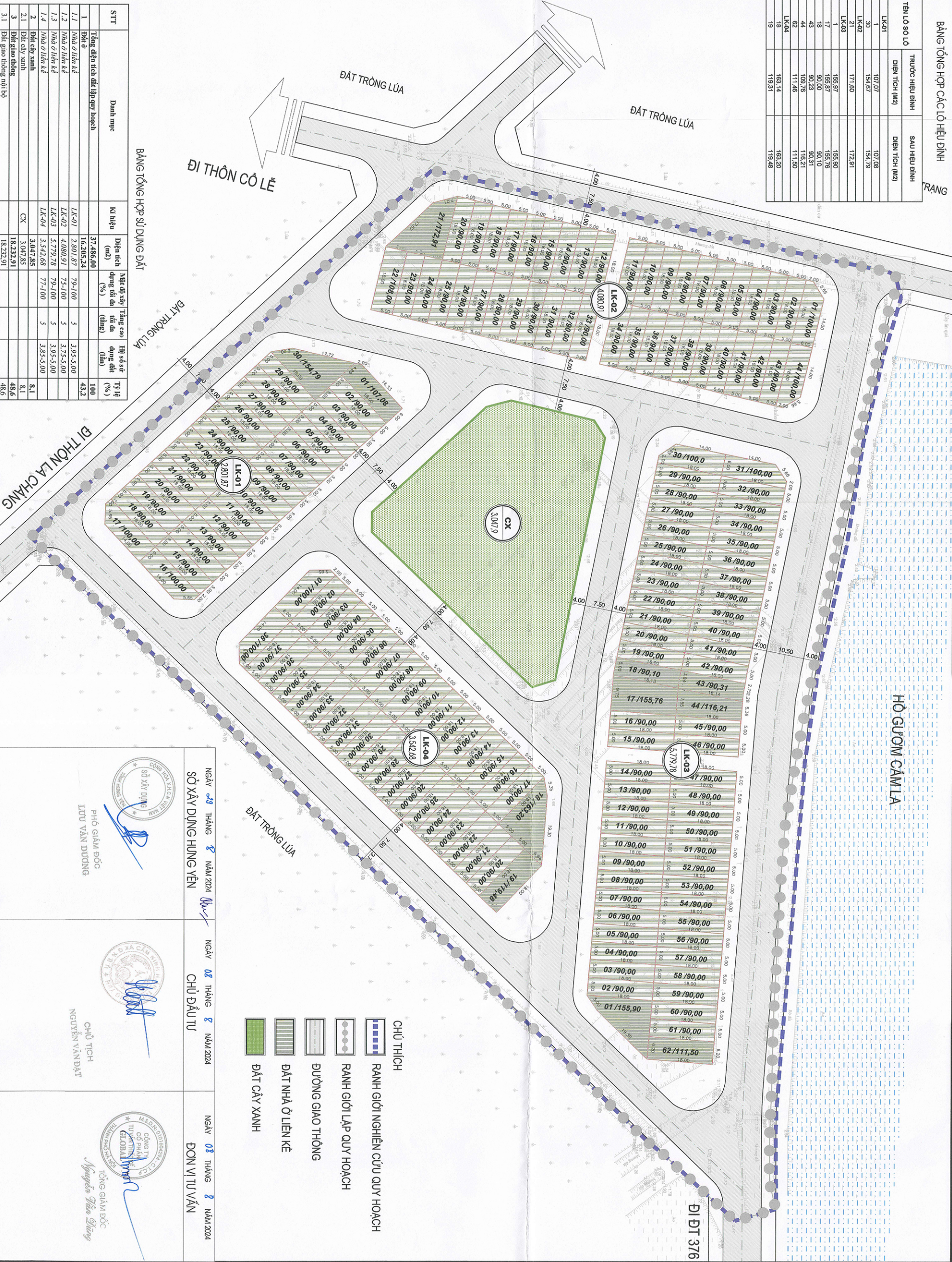
KÈM THEO THÔNG BÁO SỐ: 17/TB - SXD NGÀY 23/8/2024 CỦA SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN

BẢNG TỔNG HỢP CÁC LÔ HIỆU DÍNH

TÊN LÔ SỐ LÔ	DIỆN TÍCH (M ²)	MẶT ĐỘ XD (%)	TRƯỚC HIỆU DÍNH	SÁU HIỆU DÍNH
LK-03	5.779,78	79-100		
1	155,90	100		
2	90,00	100		
3	90,00	100		
4	90,00	100		
5	90,00	100		
6	90,00	100		
7	90,00	100		
8	90,00	100		
9	90,00	100		
10	90,00	100		
11	90,00	100		
12	90,00	100		
13	90,00	100		
14	90,00	100		
15	90,00	100		
16	90,00	100		
17	155,76	79		
18	90,10	100		
19	90,00	100		
20	90,00	100		
21	90,00	100		
22	90,00	100		
23	90,00	100		
24	90,00	100		
25	90,00	100		
26	90,00	100		
27	90,00	100		
28	90,00	100		
29	90,00	100		
30	90,00	100		
31	90,00	100		
32	90,00	100		
33	90,00	100		
34	90,00	100		
35	90,00	100		
36	90,00	100		
37	90,00	100		
38	90,00	100		
39	90,00	100		
40	90,00	100		
41	90,00	100		
42	90,00	100		
43	90,00	100		
44	90,00	100		
45	90,00	100		
46	90,00	100		
47	90,00	100		
48	90,00	100		
49	90,00	100		
50	90,00	100		
51	90,00	100		
52	90,00	100		
53	90,00	100		
54	90,00	100		
55	90,00	100		
56	90,00	100		
57	90,00	100		
58	90,00	100		
59	90,00	100		
60	90,00	100		
61	90,00	100		
62	111,50	88		
63	90,00	100		
64	90,00	100		
65	90,00	100		
66	90,00	100		
67	90,00	100		
68	90,00	100		
69	90,00	100		
70	90,00	100		
71	90,00	100		
72	90,00	100		
73	90,00	100		
74	90,00	100		
75	90,00	100		
76	90,00	100		
77	90,00	100		
78	90,00	100		
79	90,00	100		
80	90,00	100		
81	90,00	100		
82	90,00	100		
83	90,00	100		
84	90,00	100		
85	90,00	100		
86	90,00	100		
87	90,00	100		
88	90,00	100		
89	90,00	100		
90	90,00	100		
91	90,00	100		
92	90,00	100		
93	90,00	100		
94	90,00	100		
95	90,00	100		
96	90,00	100		
97	90,00	100		
98	90,00	100		
99	90,00	100		
100	90,00	100		

BẢNG QUY HOẠCH CHIA LÔ

TÊN LÔ SỐ LÔ	DIỆN TÍCH (M ²)	MẶT ĐỘ XD (%)
LK-01	2.801,87	79-100
1	107,08	89
2	90,00	100
3	90,00	100
4	90,00	100
5	90,00	100
6	90,00	100
7	90,00	100
8	90,00	100
9	90,00	100
10	90,00	100
11	90,00	100
12	90,00	100
13	90,00	100
14	90,00	100
15	90,00	100
16	100,00	90
17	100,00	90
18	90,00	100
19	90,00	100
20	90,00	100
21	90,00	100
22	90,00	100
23	90,00	100
24	90,00	100
25	90,00	100
26	90,00	100
27	90,00	100
28	90,00	100
29	90,00	100
30	154,79	79
31	90,00	100
32	90,00	100
33	90,00	100
34	90,00	100
35	90,00	100
36	90,00	100
37	90,00	100
38	90,00	100
39	90,00	100
40	90,00	100
41	90,00	100
42	90,00	100
43	90,00	100
44	90,00	100
45	90,00	100
46	90,00	100
47	90,00	100
48	90,00	100
49	90,00	100
50	90,00	100
51	90,00	100
52	90,00	100
53	90,00	100
54	90,00	100
55	90,00	100
56	90,00	100
57	90,00	100
58	90,00	100
59	90,00	100
60	90,00	100
61	90,00	100
62	111,50	88
63	90,00	100
64	90,00	100
65	90,00	100
66	90,00	100
67	90,00	100
68	90,00	100
69	90,00	100
70	90,00	100
71	90,00	100
72	90,00	100
73	90,00	100
74	90,00	100
75	90,00	100
76	90,00	100
77	90,00	100
78	90,00	100
79	90,00	100
80	90,00	100
81	90,00	100
82	90,00	100
83	90,00	100
84	90,00	100
85	90,00	100
86	90,00	100
87	90,00	100
88	90,00	100
89	90,00	100
90	90,00	100
91	90,00	100
92	90,00	100
93	90,00	100
94	90,00	100
95	90,00	100
96	90,00	100
97	90,00	100
98	90,00	100
99	90,00	100
100	90,00	100



STT	Danh mục	Kí hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Tổng cao tầng (%)	Hệ số sử dụng đất (%)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng diện tích đất quy hoạch		37.486,00				100
1.1	Đất ở	LK-01	16.205,24	79-100	5	3.955,00	43,2
1.2	Đất trồng lúa	LK-02	4.080,91	75-100	5	3.755,00	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	LK-03	5.779,78	79-100	5	3.955,00	
1.4	Đất trồng cây ngắn ngày	LK-04	3.542,68	77-100	5	3.955,00	
2	Đất cây xanh	CX	3.047,85				8,1
2.1	Đất cây xanh		3.047,85				8,1
3	Đất giao thông		18.232,91				48,6
3.1	Đất giao thông nội bộ		18.232,91				48,6

NGÀY 23 THÁNG 8 NĂM 2024
SỞ XÂY DỰNG HƯNG YÊN

NGÀY 08 THÁNG 8 NĂM 2024
CHỦ ĐẦU TƯ

NGÀY 08 THÁNG 8 NĂM 2024
ĐƠN VỊ TƯ VẤN

PHÓ GIÁM ĐỐC
LƯU VĂN DƯƠNG

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN ĐẠT

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Dương

